

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 124/2023/HS-ST

Ngày: 27-10-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Duật

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hoài; Ông Lê Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bình - *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nghị - *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HS ngày 18/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/HSST-QĐ ngày 10/10/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn H (*tên gọi khác: không có*); sinh ngày 01/12/1986 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T (đã chết) và bà Vương Thị L; có vợ là Mai Thị N (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: không có.

Tiền án: (1) Ngày 27/5/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 90 ngày 27/3/2009 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, buộc Đỗ Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù; bị cáo đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự 7.500.000 đồng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê Minh Đ. (2) ngày 04/02/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 10 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt 04 năm tù của bản án số 97 ngày 27/5/2009 của Tòa án nhân dân

Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 14 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 29/01/2019; đã nộp xong 623.0000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự, chưa thi hành phần bồi thường dân sự 8.477.000 đồng cho bị hại Trương Thị T1.

Nhân thân: (1) Ngày 11/3/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo chấp hành xong bản án ngày 20/12/2003. (2) Ngày 29/3/2007, bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2007, xong phần thi hành án dân sự ngày 12/3/2008. (3) Ngày 27/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, thi hành xong phần thi hành án dân sự ngày 18/12/2017.

Bị cáo bị bắt ngày 24/9/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đỗ Hoài T2, Công ty L5, Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ D khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

+ Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ D khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Vương Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Cao Đức T6, sinh năm 1962; địa chỉ: số A đường M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Trần Xuân T7, sinh năm 1979; địa chỉ: P A4 Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1980; địa chỉ: số G Đ, tổ A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Trần Công C, sinh năm 1968; địa chỉ: số I T, phường G, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Lê Minh C1, sinh năm 1991; địa chỉ: số B phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

- + Ông Đặng Tiến H2, sinh năm 1990; địa chỉ: số H T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1974; địa chỉ: xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Đỗ Duy B, sinh năm 1965; địa chỉ: số H T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1979; địa chỉ: xóm C, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Cao Văn C2, sinh năm 1985; địa chỉ: A đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Lê Xuân N1, sinh năm 1978; địa chỉ: số B Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Lê Văn H4, sinh năm 1980; địa chỉ: số F đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Trịnh Quang T8, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ A phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Bà Vũ Thị H5, sinh năm 1982; địa chỉ: số D đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Bà Bùi Thị N2, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Cửa hàng V1; địa chỉ: số A, đường B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Đại diện là bà Dương Thị Thúy L1, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Công ty Cổ phần B1; địa chỉ: số F, đường B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật bà Lê Thị P – Giám đốc, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Lê Văn , sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà A B, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Ông Cao Văn N3, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn K, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
- *Người làm chứng:*
 - + Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn F, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).
 - + Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1968; địa chỉ: số D đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Lê Đức T9, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm Q, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tất T10, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h ngày 18/9/2022, H điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu sơn trắng, gắn BKS 14X1-378.83 đi từ thành phố U về thị xã Đ mục đích xem ai sơ hở để trộm cắp. H quan sát thấy T11 vàng bạc T của vợ chồng ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 ở tổ D, khu H, phường M, thị xã Đ, có nhiều vàng bạc trong tủ kính trưng bày để bán, trên tầng 3 không có hệ thống rào sắt bao kín, dễ dàng trèo được lên, nên H nảy sinh ý định vào tiệm vàng này để thực hiện hành vi trộm cắp. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/9/2022, H chuẩn bị 01 chiếc búa, 01 kìm, 01 chiếc tua vít để trong 1 túi vải đeo chéo trước ngực, đội mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ, mặc quần bò màu đen, áo somi tối màu có kẻ sọc, đeo khẩu trang, điều khiển xe mô tô Honda Vision gắn BKS 14X1-378.83 đi đến tiệm V2. H trèo lên trụ cổng phía bên phải, bám vào hệ thống rào sắt tại tầng 2 của nhà anh chị L3 – T12 liền kề với tiệm V2, vừa bám vừa trèo theo hàng rào sắt ngoài ban công, leo lên tầng 3 nhà anh chị L3 – T12, rồi trèo sang ban công tầng 3 của tiệm V3. H dùng tua vít, kìm và búa cạy cửa gỗ, khung sắt bảo vệ cửa sổ tầng 3, rồi đột nhập vào trong Tiệm vàng, đi theo lối cầu thang xuống tầng 1, dùng ánh sáng đèn điện thoại soi, lục tìm trong ngăn kéo tủ trưng bày lấy được 01 dây chuyền bằng bạc và 3.000.000 đồng. H tìm, lấy được 01 chìa khoá mở cửa tủ trưng bày, lấy trộm nhiều trang sức các loại bằng vàng, bạc gồm: 53 chiếc nhẫn, 29 dây chuyền, 04 vòng, 05 kiềng, 05 lắc tay, 03 tảng nghề, 01 đôi hoa tai bằng vàng, vàng tây và bằng bạc cho tất cả số trang sức trộm cắp vào trong túi vải đeo chéo ở trước ngực, rồi đi lên mở chốt ngang cửa chính tầng 3, thoát xuống đường bằng cách trèo ngược lại theo lối cũ, lấy xe máy đi về huyện T, Hải Phòng, thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm. Đến sáng, H điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Tất T10 (sinh năm 1964, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng) là bạn quen biết trong thời gian chấp hành án cùng với H. H để túi quần áo bên trong có: kìm, búa, tua vít, khẩu trang, găng tay... mà H sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp và tháo biển số 14X1-378.83 vớt vào khe tường của nhà anh T10. H không nói rõ cho anh T10 biết xe máy, túi quần áo có chứa các dụng cụ trên là phương tiện, công cụ mà H sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp. Sau đó, H điều khiển xe máy đến bán 10 nhẫn tròn, 01 vòng tay, 01 vòng cổ bằng vàng cho 04 cửa hàng mua bán vàng bạc (N, Bác M, Văn M, N) tại xã N và thị trấn N, huyện T, được 153.110.000 đồng rồi quay về để xe máy HondaVision ở nhà anh T10. Sáng ngày 20/9/2022, H đón xe khách đến thành phố Hà Nội, dùng tiền bán vàng trộm cắp mua 01 xe mô tô Honda SH màu trắng, số khung RLHKF4203NY 128432, số máy KF42E-0070407 tại cửa hàng M1 ở số A xã Đ, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội hết 96.100.000 đồng và

sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi bán vàng cho 08 cửa hàng mua bán vàng (Công Chính, Kim L4, Kim P1, Tuấn K, M, Đức Đ3, Quốc C3, Tình Hồng) ở quanh khu vực bến xe G - Hà Nội và khu vực lân cận; 02 cửa hàng (M tại xã T, M tại xã T) tỉnh Hà Nam; 04 cửa hàng (P, H, H, B) thuộc huyện H và thành phố N, tỉnh Ninh Bình và bán cho một số cửa hàng vàng khác không rõ địa chỉ trên dọc đường từ Hà Nội về Thanh Hóa. Đến Thanh Hoá thì H bán hết số vàng trộm cắp được, chỉ còn lại 01 dây chuyền vàng trắng dài khoảng 52cm và 01 dây chuyền kim loại màu trắng dài 60cm, sử dụng đeo trên cổ làm trang sức cho bản thân. H không nói cho các chủ cửa hàng mua số vàng, bạc H đem đến bán là do trộm cắp được mà có. Tổng số tiền từ việc bán số vàng trộm cắp của vợ chồng ông T3, bà T4 được khoảng hơn 700.000.000 đồng, H nhận tiền bằng hình thức: các chủ cửa hàng mua vàng đưa trực tiếp tiền mặt hoặc chuyển tiền vào 02 tài khoản 0971884033 và 8621219831986 mở tại ngân hàng M2 mang tên DO VAN HUNG cho H. Số tiền này, H sử dụng mua xe Honda SH nêu trên hết 96.100.000đồng, chuyển cho anh trai Đỗ Văn T13 6.000.000 đồng, chi tiêu cá nhân (ăn, nghỉ, xăng xe, nạp tiền chơi game xóc đĩa, tài xỉu trên mạng bị thua...) hết khoảng 198.000.000 đồng, còn 437.272.642 đồng trong 02 tài khoản ngân hàng MB của H và 1.870.000 đồng mang theo trên người.

Ngay sau khi nhận được trình báo của vợ chồng ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu điều tra ban đầu, trong đó có thu giữ dấu vết trên hàng rào mắt cáo tầng 2,3 nhà anh chị L3 - T12.

Căn cứ các tài liệu điều tra thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ bắt khẩn cấp đối với Đỗ Văn H vào ngày 24/9/2022 tại quận H, thành phố Hà Nội, thu giữ: 01 điện thoại Galaxy Zflip3 5G, 01 xe Honda SH màu trắng, số khung RLHKF4203NY 128432, số máy KF42E-0070407, 01 dây chuyền kim loại màu vàng trắng dài khoảng 52cm; 01 dây chuyền kim loại màu trắng dài 60cm và 1.870.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Tất T10 tại thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng thu giữ 01 BKS: 14X1- 378.83 tại vị trí sát tường bao gần nhà vệ sinh của nhà anh T10. Anh Nguyễn Tất T10 tự nguyện giao nộp số tài sản, đồ vật mà H để tại nhà anh T10 gồm: 01 xe HondaVision, màu sơn trắng, không gắn biển kiểm soát, có số khung RLHJF581GE486726, số máy JF66E0440135; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, dạng mũ nửa đầu; 01 mũ lưỡi trai, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần bò tối màu, 01 búa, 01 tô vít, 01 kim kim loại, 8 găng tay màu đen, 12 khẩu trang y tế màu xanh và màu đen, 01 ba lô màu đen.

Khám xét khẩn cấp nhà Đỗ Văn H tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa không thu giữ gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được: 02 nhẫn, 12 dây chuyền, 01 lắc tay, 01 vòng tay, 01 bông tai kim loại màu vàng, vàng trắng, bạc, do 09 cửa hàng mua vàng của H giao nộp, gồm: cửa hàng bạc Công Chính: 01 nhẫn kim loại màu vàng trọng lượng 0,5 chỉ; cửa hàng K1: 01 dây chuyền HJC trọng lượng 03 chỉ,

01 dây chuyền kim loại màu vàng gắn mặt DIOR; cửa hàng Đ5: 01 lắc tay HJC 9999 trọng lượng 02 chỉ; cửa hàng T14: 01 vòng tay kim loại màu vàng; cửa hàng M3 (xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam): 02 dây HJC 10K; cửa hàng Phát Đạt 02 dây HJC 10K; cửa hàng H7 02 dây HJC 10K, 01 đôi bông tai kim loại màu vàng trắng; cửa hàng H8: 01 dây HJC 10K, 01 nhẫn màu trắng; cửa hàng Bảo Cường 02 dây HJC 10K. Số vàng bạc còn lại không thu giữ được, do nhân viên của các cửa hàng đã nung chảy chế tác, bán cho khách hàng, không nhớ được cụ thể.

Tại Bản kết luận giám định số 7054 ngày 01/11/2022 của V4 Bộ C5 kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, trắng thu giữ của Đỗ Văn H gửi giám định có tổng khối lượng 9,21 gam đều là vàng (Au) trang sức; hàm lượng trung bình Au: 41,35%, A: 6,87%. Dây chuyền kim loại màu trắng thu giữ của Đỗ Văn H gửi giám định có tổng khối lượng là 13,7gam là bạc, hàm lượng trung bình Ag: 92,60%. Số tài sản gồm: 01 nhẫn, 01 lắc tay, 01 vòng tay, 12 dây chuyền, kim loại màu vàng, vàng trắng, 01 dây chuyền màu bạc, 01 bông tai màu vàng trắng, 01 nhẫn màu trắng do các cửa hàng Công Chính, K, Đức Đ3, Tỉnh H6, Minh S, Phát Đ4, H, H, Bảo C4 giao nộp giám định kết luận đều là vàng, hàm lượng trung bình Au từ 99,74% đến 99,88% ; vàng tây (vàng và bạc) có hàm lượng trung bình Au: 41,18% - 41,47% và Ag: 4,47% - 8,74%; nhẫn màu trắng là bạc, hàm lượng trung bình Ag: 92,61%.

Tại Bản kết luận giám định số 104 ngày 18/01/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: Kiểu gen đã phân tích được từ dấu vết thu trên hàng rào mắt cáo tầng 2, 3 nhà anh chị L3 - T12, là kiểu gen của Đỗ Văn H có mẫu gửi giám định.

Tại Bản kết luận định giá số 21 ngày 03/10/2022, của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã Đ kết luận số tài sản của gia đình ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 gồm: 52 chiếc nhẫn, 28 dây chuyền, 04 vòng, 05 kiềng, 05 lắc tay, 03 tảng nghệ bằng vàng, vàng tây (vàng+bạc), bạc, vào thời điểm bị mất trộm có tổng giá trị là 983.931.000 đồng (Chín trăm tám mươi ba triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng).

Tại Bản Kết luận định giá số 30 ngày 14/7/2023, của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã Đ, kết luận số tài sản gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng tây, 01 nhẫn và 01 dây chuyền bằng bạc, gia đình ông, bà Nguyễn Văn T3, chị Phạm Thị T4 bị mất trộm (chưa được định giá trong Kết luận định giá số 21 ngày 03/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã Đ), có tổng giá trị là: 2.083.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra còn xác định: ngày 25/8/2022, H đi xe mô tô Honda Vision, màu sơn trắng, gắn biển kiểm soát: 14X1- 378.83, đến cạy mái tôn đột nhập vào trong cửa hàng tạp hóa của ông Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1962) tại thôn T, xã H, thị xã Đ, lấy trộm được 300.000 đồng, gồm các tờ tiền lẻ mệnh giá từ 1.000 đồng đến 50.000 đồng, để trong hòm tôn, là tiền bán hàng của ông T5. Số tiền này, H đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, H còn khai thực hiện 01 vụ trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động S1 tại

nhà dân nằm trên Quốc lộ A, nhưng không nhớ được thời điểm, địa điểm, thuộc tỉnh cụ thể nào. Thấy chiếc điện thoại này đã bị hỏng nên H vứt đi. Hiện vụ việc chưa xác định được bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau. Trong quá trình điều tra, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và các tình tiết có liên quan quan, phù hợp với nội dung vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số: 94/CT-VKSQN-P2 ngày 08/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn H khai nhận hành vi phạm tội như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo thừa nhận bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, bị cáo đề nghị sử dụng chiếc xe Honda SH mà bị cáo đã mua mới bằng tiền do trộm cắp tài sản mà có để tiếp tục bồi thường cho bị hại là ông T3 và bà T4.

Bị hại là ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 trình bày: đêm ngày 17 rạng sáng ngày 18/9/2022, tại cửa hàng V5 của gia đình bị mất trộm 53 chiếc nhẫn, 29 dây chuyền, 04 vòng, 05 kiềng, 05 lắc tay, 03 tảng nghề, 01 đôi hoa tai bằng vàng, vàng tây và bằng bạc có tổng trị giá: 1.063.729.000đồng (một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) và số tiền mặt là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Văn H đã bồi thường cho gia đình ông T3, bà T4 được số tiền là 437.313.000đ (bốn trăm ba bảy triệu ba trăm mười ba nghìn đồng). Tại phiên tòa, ông T3 và bà T4 đồng ý nhận chiếc xe Honda SH mà bị cáo đề nghị tiếp tục bồi thường; đề nghị được nhận lại toàn bộ số tài sản là vàng, bạc được các cửa hàng đã mua từ bị cáo Đỗ Văn H giao lại và số tiền 1.870.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) thu của bị cáo Đỗ Văn H, số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) mà bà Vương Thị L nộp. Tổng giá trị toàn bộ những tài sản, tiền bạc mà ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 nhận lại là 191.876.000đ (một trăm chín một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) sẽ được trừ đi trong tổng số 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) mà ông T3, bà T4 đã yêu cầu bị cáo bồi thường. Về hình phạt đối với bị cáo: ông T3, bà T4 đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Văn T5 vắng mặt tại phiên tòa, có quan điểm không yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường cho mình; về hình phạt ông T5 đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà Vương Thị L (mẹ của bị cáo Đỗ Văn H), vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm: bà có nộp thay cho con trai là Đỗ Văn T13 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, đây là số tiền mà bị cáo H sau khi bán tài sản trộm cắp đã cho Đỗ Văn T13, nhưng T13 không biết là tiền do trộm cắp mà có. Bà L không có ý kiến gì, không đề nghị gì với số tiền này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm như sau:

Ông Cao Đức T6 yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải trả lại cho ông số tiền 24.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Á yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải trả lại cho bà số tiền 4.046.000 đồng. Ông Trần Công C yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải trả lại cho ông số tiền 2.400.000 đồng. Ông Lê Minh C1 yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải trả lại cho ông số tiền 3.730.000 đồng. Ông Đỗ Duy B yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải trả lại cho ông số tiền 2.920.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Các ông, bà Trần Xuân T7; Nguyễn Thị Thu H1; Đặng Tiến H2; Phạm Văn Đ1; Nguyễn Thị H3; Cao Văn C2; Lê Xuân N1; Lê Văn H4; Trịnh Quang T8; Vũ Thị H5; Nguyễn Thị L2; Lê V; Cao Văn N3; Cửa hàng V1; Công ty Cổ phần B1 không đề nghị bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng là các ông bà: Nguyễn Thị Đ2, Nguyễn Thị L2, Lê Đức T9 vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Văn H về việc bị cáo có đến các cửa hàng vàng, bạc của những người này để bán. Những người này không biết số vàng, bạc mà H bán là tài sản trộm cắp nên đã mua lại để chế tác và bán lại cho người mua. Đối với anh Nguyễn Tất T10, cơ quan điều tra có thu tại nhà của anh T10 các vật chứng liên quan đến vụ án, tại cơ quan điều tra anh T10 khai nhận toàn bộ số tài sản, đồ vật mà cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của anh đều là do Đỗ Văn H để lại, không nói cho anh biết là tài sản, đồ vật liên quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo; phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 13 đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 24/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo H phải bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 số tiền 408.124.000đ (bốn trăm linh tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: ông Cao Đức T6: 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng); bà Nguyễn Thị Á: 4.046.000đ (bốn triệu không trăm bốn mươi sáu đồng); ông Trần Công C: 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng); ông Lê Minh C1: 3.730.000đ (ba triệu bảy trăm ba mươi

ngàn đồng); ông Đỗ Duy B: 2.920.000.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T3 và chị Phạm Thị T4: toàn bộ số tiền 1.870.000 đồng; vàng, bạc tình trạng theo gói gửi số 1216 - 1217 ngày 21/02/2023 giữa Kho bạc Nhà nước Q và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q; số tiền 6.000.000 đồng theo gói gửi số 1245 ngày 29/3/2023 giữa Kho bạc Nhà nước Q và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Zflip3 5G; giao cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 01 xe máy Honda SH màu trắng, số khung RLHKF4203NY128432, số máy KF42E-0070407 đăng ký tên Đỗ Văn H. Trả lại 01 đầu camera đã qua sử dụng cho vợ chồng ông bà Nguyễn Văn T3, Phạm Thị T4.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi bằng vải màu đen; 01 biển kiểm soát 14X1-378.83; 01 mũ bảo hiểm; 01 mũ lưỡi trai; 01 áo sơ mi dài tay; 01 quần bò tối màu; 01 chiếc búa; 01 chiếc tô vít; 01 kim kim loại; 08 găng tay màu đen; 12 khẩu trang y tế; 01 ba lô màu đen; 02 sim điện thoại.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn H có quan điểm: nhất trí với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của các bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/8/2022, tại thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, Đỗ Văn H đã có hành vi trộm cắp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của ông Nguyễn Văn T5.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/9/2022, tại tổ D, khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, Đỗ Văn H đã có hành vi trộm cắp 53 chiếc nhẫn; 29 dây chuyền; 04 vòng; 05 kiềng; 05 lắc tay; 03 tảng nghê; 01 đôi hoa tai bằng vàng; vàng tây và bằng bạc; số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền mặt, có tổng trị giá: 986.014.000đồng (chín trăm tám mươi sáu triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng) của vợ chồng ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của 02 vụ trộm cắp nêu trên là: 989.314.000 đồng (chín trăm tám mươi chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Bị cáo Đỗ Văn H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Đỗ Văn H thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, trong đó có 01 lần về tội rất nghiêm trọng do cố ý, lần phạm tội này thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đã 03 lần bị các Tòa án có thẩm quyền xét xử và kết án đều về tội “Trộm cắp tài sản”; điều này thể hiện bị cáo có ý thức xem thường pháp luật. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng trừng trị, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; mẹ đẻ của bị cáo là bà Vương Thị L có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng 3. Vì vậy, có căn cứ áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

Đối với số tiền 6.000.000 đồng mà bà Vương Thị L nộp lại cho Cơ quan điều tra theo Phiếu nhập kho gói gửi số 1245 ngày 29/3/2023 giữa Kho bạc Nhà nước Q và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q. Số tiền này do bị cáo H bán tài sản trộm cắp của gia đình ông T3, bà T4 và cho anh trai là Đỗ Văn T13, hiện tại anh T13 không có mặt tại địa phương nên đã nhờ mẹ là bà Vương Thị L nộp lại, bà L không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Xét thấy, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần trả lại cho bị hại là ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4.

Đối với số tiền 1.870.000 đồng thu của Đỗ Văn H, số tiền này H khai có được sau khi bán vàng, bạc trộm cắp mà có và toàn bộ số vàng, bạc mà các cửa hàng đã mua của bị cáo Đỗ Văn H đã tự nguyện nộp lại theo Phiếu nhập kho gói gửi số 1216 – 1217 ngày 21/02/2023 giữa Kho bạc Nhà nước Q và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q. Số vàng, bạc này được xác định tổng giá trị là 88.006.000 đồng theo Bản kết luận định giá số 30/KL-HĐĐGTS ngày 14/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã Đ. Xét thấy, đây là số tài sản của gia đình ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 bị mất do bị cáo Đỗ Văn H trộm cắp, nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông T3 và bà T4. Đại diện các cửa hàng đã giao nộp lại tài sản có quyền yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Zflip3 5G và 01 xe máy Honda SH màu trắng, số khung RLHKF4203NY128432, số máy KF42E-0070407 biển kiểm soát 36C2-146.16 đăng ký tên Đỗ Văn H theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 05/01/2023 của Phòng C6 – Công an tỉnh Q. Xét thấy, đối với điện thoại di động là tài sản cá nhân của bị cáo Đỗ Văn H, có sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc xe máy, bị cáo Đỗ Văn H đã dùng số tiền có được từ tài sản trộm cắp trong vụ án này để mua và sử dụng. Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn H đề nghị được giao chiếc xe máy nêu trên cho bị hại và dùng số tiền tương đương giá trị chiếc xe khi mua là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) để trừ vào tổng số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) mà bị hại là ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 đề nghị bị cáo bồi thường. Bị hại là ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 đồng ý với đề nghị của bị cáo Đỗ Văn H, xác định giá trị chiếc xe là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), ông T3 và bà T4 sẽ nhận chiếc xe máy nêu trên và có nghĩa vụ làm thủ tục kê khai, đăng ký sang tên chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 cũng đồng ý nhận toàn bộ số tài sản là vàng, bạc được các cửa hàng đã mua từ bị cáo Đỗ Văn H giao nộp cho Cơ quan điều tra và số tiền 1.870.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) thu của bị cáo Đỗ Văn H; số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) mà bà Vương Thị L nộp. Tổng giá trị toàn bộ những tài sản, tiền mà ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 nhận lại là 191.876.000đ (một trăm chín một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) sẽ được trừ đi trong tổng số 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) mà ông T3, bà T4 đã yêu cầu bị cáo bồi thường.

Đối với các vật chứng thu của bị cáo Đỗ Văn H và tại nhà anh Nguyễn Tất T10 như: 01 túi bằng vải màu đen; 01 biển kiểm soát 14X1-378.83 (qua kết luận giám định là biển kiểm soát giả); 01 mũ bảo hiểm; 01 mũ lưỡi trai; 01 áo sơ mi dài tay; 01 quần bò tối màu; 01 chiếc búa; 01 chiếc tô vít; 01 kim kim loại; 08 găng tay màu đen; 12 khẩu trang y tế; 01 ba lô màu đen; 02 sim điện thoại gắn trong điện thoại Samsung Galaxy Zflip3 5G thu của bị cáo đều là công cụ, phương tiện phạm tội và tài sản không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đầu camera thu của bà Phạm Thị T4, xét thấy là tài sản của gia đình bà T4 nên cần trả lại cho bà T4.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là ông Nguyễn Văn T5 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Trần Xuân T7, Nguyễn Thị Thu H1, Đặng Tiến H2, Phạm Văn Đ1, Nguyễn Thị H3, Cao Văn C2, Lê Xuân N1, Lê Văn H4, Trịnh Quang T8, Vũ Thị H5, Nguyễn Thị L2, Lê V, Cao Văn N3, Cửa hàng V1, Công ty Cổ phần B1 đều không yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường nên không xem xét.

Bị hại là ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 yêu cầu bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường như sau: ông Cao Đức T6 đề nghị bồi thường số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng); bà Nguyễn Thị Á đề nghị bồi thường số tiền 4.046.000đ (bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); ông Trần Công C đề nghị bồi thường số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng); ông Lê Minh C1 đề nghị bồi thường số tiền 3.730.000đ (ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng); ông Đỗ Duy B đề nghị bồi thường số tiền 2.920.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Bị cáo Đỗ Văn H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, các bên tự thỏa thuận về việc bồi thường và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4, do ông T3 và bà T4 được trả lại tổng số tiền 191.876.000đ (một trăm chín mươi một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Do vậy, buộc bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường tiếp số tiền là 408.124.000đ (bốn trăm linh tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4.

Đối với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bị cáo Đỗ Văn H trộm cắp của ông Nguyễn Văn T5, mặc dù ông T5 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại cho ông. Tuy nhiên, xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo Đỗ Văn H nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Liên quan trong vụ án, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Đỗ Văn H có hành vi tham gia đánh bạc chơi game xóc đĩa, tài xỉu trên mạng. Tuy nhiên không xác định được dữ liệu, số tiền, số lần H tham gia đặt cược cụ thể, nên không đủ cơ sở xử lý đối với H và các đối tượng liên quan về hành vi đánh bạc.

Đối với xe mô tô Honda Vision màu trắng, số khung RLHJF581GE486726, số máy JF66E0440135 là của chị Nguyễn Thảo N4, sinh năm 1996, trú tại khu B, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh bị mất vào ngày 13/9/2022 thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã chuyển xe mô tô này cùng tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q để tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H: 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 số tiền: 408.124.000đ (bốn trăm linh tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ông Cao Đức T6 số tiền: 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Á số tiền: 4.046.000đ (bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ông Trần Công C số tiền: 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

Ông Lê Minh C1 số tiền: 3.730.000đ (ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Ông Đỗ Duy B số tiền: 2.920.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải nộp lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4: số tiền 1.870.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) và vàng, bạc theo gói gửi số 1216 - 1217 ngày 21/02/2023 giữa Kho bạc Nhà nước Q và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q; số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo gói gửi số 1245 ngày 29/3/2023 giữa Kho bạc Nhà nước Q và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q.

Giao cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4 01 xe máy Honda SH màu trắng, số khung RLHKF4203NY128432; số máy KF42E-0070407 đăng ký tên Đỗ Văn H. Ông T3 và bà T4 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền và thực hiện chuyển quyền sở hữu xe mô tô trên theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Phạm Thị T4 01 đầu camera.

Tịch thu, sung nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Zflip3 5G thu của Đỗ Văn H.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi bằng vải màu đen, 01 biển kiểm soát 14X1-378.83, 01 mũ bảo hiểm, 01 mũ lưỡi trai, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần bò tối màu, 01 chiếc búa, 01 chiếc tô vít, 01 kim kim loại, 08 găng tay màu đen, 12 khẩu trang y tế, 01 ba lô màu đen, 02 sim điện thoại.

Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 107 ngày 09/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Đỗ Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 21.808.800đ (hai một triệu tám trăm linh tám nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại; người có QLVN liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Duật